TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày: 19-03-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Vũ;

2. Bà Nguyễn Thị Khuyên.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Giáp Thị Bích Phượng- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên: Bà Lò Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2019/TLST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 15/2019/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 03 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Lò Thị U (tên gọi khác: Không), sinh năm:1960, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản C , xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lò Văn P và bà: Lò Thị L (đều đã chết); có chồng: Lù Văn G và có 06 con, con lớn nhất sinh năm 1982, con nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/9/2018, bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2018 đến nay được trích xuất đến phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị U*: Bà Lê Thị X - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Lù Văn Đ (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 15/11/1992, tại tỉnh Điện Biên

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước ngày bị bắt: Bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông: Lù Văn G và bà: Lò Thị U; có vợ : Quàng Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử

phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 03/01/2019 đến nay, được trích xuất đến phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn Đ*: Ông Hoàng Tiến N - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* *Người bị hại*: Anh Lò Văn M - Sinh năm: 1994 (đã chết); trước khi chết, trú tại: Bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

* *Người đại diện hợp pháp của người bị hại Lò Văn M*: Ông Lò Văn Y - Sinh năm: 1973;Trú tại: Bản C, xã M, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lò Thị S - Sinh năm 1973; Trú tại: Bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* *Người có nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lù Văn G - Sinh năm: 1956. Vắng mặt;

- Chị Quàng Thị H - Sinh năm: 1996. Có mặt.

+ Cùng trú tại: Bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

* *Người làm chứng:*

- Ông Lò Văn H - Sinh ngày: 05/6/1967. Vắng mặt.

- Ông Lù Văn H - Sinh ngày: 21/9/1982. Có mặt.

+ Cùng trú tại: Bản Cò C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

* *Người phiên dịch:* Ông Tòng Văn X - Sinh năm: 1996; địa chỉ: Đội a, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Do gia đình thường xuyên bị mất trộm gà, vịt nên khoảng đầu tháng 02/2018, Lò Thị U, sinh năm 1960, trú tại bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên bảo con trai là Lù Văn Đ, sinh năm 1992 ở cùng nhà mắc điện đang sinh hoạt (220V) từ nhà xuống chuồng gà, mục đích để chống trộm. Đ xuống kho dưới gầm sàn lấy một đoạn dây điện vỏ màu đen, dài 11,44m, bên trên có 07 lõi kim loại màu trắng, bạc mang lên nhà dùng dao gọt lớp vỏ nhựa để lộ lõi kim loại ở hai đầu dây điện. Một đầu dây điện, Đ cắm ổ điện trên bảng điện ở cột nhà thứ ba tính từ cửa bên bếp đi vào. Đầu dây còn lại, Đ vắt chéo qua các xà nhà đến cột phía góc nhà giáp bếp luồn dây xuống dưới gầm sàn rồi dùng lõi kim loại của đầu dây điện buộc vào dây thép gai quây xung quanh chuồng gà. Mắc điện xong, Đ dặn và hướng dẫn mẹ là Lò Thị U khi nào đi ngủ hoặc vắng nhà thì cắm đầu dây điện đấu với chuồng gà vào lỗ điện phía trên bên phải của ổ điện gắn tại cột nhà thứ ba để chống trộm. Thường ngày, U là người cắm điện, khi U đi vắng

thì Đ là người cắm điện. Trong thời gian từ khi mắc điện từ nhà xuống chuồng gà đến ngày 19/9/2018, gia đình U không mất tài sản gì. Khoảng 22 giờ, ngày 19/9/2018, trước khi đi ngủ, U cắm đầu dây điện xuống chuồng gà vào ổ điện. Khoảng 05 giờ sáng ngày 20/9/2018, Lò Thị U phát hiện Lò Văn M, sinh năm 1994, trú cùng bản bị điện giật chết cạnh chuồng gà.

2. ***Các vấn đề khác***:

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 93/TT ngày 27/9/2018 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Điện Biên xác định các dấu hiệu chính gồm 01 vết cháy xém da và tóc ở vùng thái dương trái; 03 vết cháy xém da ở vùng ngực trái. Kết luận: Nguyên nhân chết của Lò Văn M là suy hô hấp, suy tim cấp do điện giật.

Tại Kết luận giám định số 109/GĐ-PC09 ngày 03/12/2018 của phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Toàn bộ phần lõi hợp thành từ 07 (bảy) sợi màu trắng bạc bên trong đoạn dây gửi giám định là liền mạch và dẫn được điện.

Tại Kết luận giám định số 214/GĐ-PY ngày 25/12/2018 của Trung tâm Pháp y, Sở y tế tỉnh Điện Biên kết luận: Các đoạn dây thép gai như đã mô tả có thể gây nên các dấu vết thương tích cho Lò Văn M và phù hợp với đặc điểm hình thành dấu vết thương tích do tác động ngoại lực có vật cạnh sắc nhọn gây nên và tác động của nhiệt độ cao (dây thép gai là vật liệu truyền dẫn điện) gây nên cho Lò Văn M như đã mô tả.

Tại Công văn số 2639/PCĐB-KT ngày 14/12/2018 của Công ty Điện lực Điện Biên về việc trả lời ý kiến của công an tỉnh Điện Biên về khả năng gây điện giật ở người: Khi cắm dây dẫn điện vào lỗ ổ cắm (dây pha, điện áp bằng 220V) thì cơ thể người chạm vào dây thép gai sẽ tạo thành mạch điện khép kín gây giật điện và có thể dẫn tới tử vong.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa: Các bị cáo Lò Thị U và Lù Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

3. ***Cáo trạng của Viện kiểm sát***:

Tại bản Cáo trạng số: 04/CT-VKS-P2 ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo Lò Thị U và Lù Văn Đ về tội: *"Giết người"* theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung, quyết định truy tố các bị cáo Lò Thị U và Lù Văn Đ về tội: *"Giết người",* đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị Uối từ 07 năm tù đến 08 năm tù. Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lù Văn Đăm từ 06 năm tù đến 07 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 hộp bìa cát tông hoàn lại sau giám định bên trong có 01 đoạn dây điện màu đen dài 11,44m; 01 túi nilon màu đỏ; 01 con dao; 01 một hộp bìa catton A4 bên trong có 03 đoạn dây thép gai là những vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa số tiền hai bên gia đình bị cáo và gia đình người bị hại đã bồi thường.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo không tranh luận gì về phần tội danh và điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhận thức của các bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo sinh sống ở vùng sâu, vùng xa, hiểu biết pháp luật còn phần hạn chế. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình người bị hại, chấp nhận toàn bộ mức bồi thường do gia đình người bị hại yêu cầu về tiền mai táng phí và tổn thất về tinh thần. Chồng của bị cáo Lò Thị U, bố đẻ của bị cáo Lù Văn Đ là ông Lù Văn G là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo Lò Thị U đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt. Người bào chữa cho bị cáo Lù Văn Đ cho rằng hành vi phạm tội của bị cáo một phần cũng do lỗi của người bị hại gây ra, do gia đình bị cáo thường xuyên bị mất trộm gà, vịt, bị cáo đã dùng nhiều biện pháp ngăn chặn nhưng không có hiệu quả, người bị hại lại là người có tiền án về tội trộm cắp tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để bị cáo Lù Văn Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Về bồi thường dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vấn đề bồi thường theo quy định của pháp luật.

Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, do các bị cáo đều sinh sống ở vùng có điều kiện kính tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại không có ý kiến tranh luận gì về phần tội danh và điều luật áp dụng cũng như mức hình phạt, đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, tại đơn đề nghị có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã M ngày 13/11/2018, người đại diện hợp pháp của người bị

hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại số tiền 132.735.000 đồng *(một trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* (gồm: Tiền mai táng phí là 62.735.000 đồng và tiền tổn thất về tinh thần là 70.000.000 đồng). Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị các bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 130.000.000 đồng *(một trăm ba mươi triệu đồng chẵn)* (trong đó: Tiền mai táng phí là 60.000.000 đồng và tiền tổn thất về tinh thần là 70.000.000 đồng).

Trong quá trình xét xử, các bị cáo Lò Thị U và Lù Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng và kết luận của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều nhất trí mỗi người chịu 1/2 số tiền bồi thường cho gia đình người bị hại, theo yêu cầu của người đại diện hợp pháp cho người bị hại tổng số tiền bồi thường là 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng)*. Bị cáo Lù Văn Đ đã bồi thườngtiền mai táng phí được 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), bị cáo Lò Thị U đã bồi thường tiền mai táng phí được 5.000.000 đồng (*năm triệu đồng)*, số tiền bồi thường còn lại các bị cáo nhất trí tiếp tục bồi thường cho gia đình người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm tử thi; Kết luận giám định pháp y về tử thi số 214/GĐ-PY ngày 25/12/2018 của Trung tâm pháp y, Sở y tế tỉnh Điện Biên; Công văn số 2639/PCĐB-KT ngày 14/12/2018 của Công ty Điện lực Điện Biên; Biên bản ghi lời khai của người có nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Do thường xuyên bị mất tài sản là gà, vịt nên khoảng tháng 02/2018 Lò Thị U bảo con trai là Lù Văn Đ mắc điện sinh hoạt (220v) từ nhà xuống truồng gà, mục đích chống trộm. Tối ngày 19/9/2018, Lò Thị U đã cắm điện từ trên nhà xuống truồng gà. Hậu quả làm Lò Văn M bị chết do giật điện cạnh chuồng gà của gia đình Lò Thị U thuộc bản Cò C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và luận tội đối với các bị cáo Lò Thị U và Lù Văn Đ về tội *"Giết người*" theo quy định tại khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật, các bị cáo không bị oan sai.

Điều 123 Bộ luật hình sự quy định:

"2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm".

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[2] Xét tính chất, vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Về tính chất vụ án: Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền được sống của người bị hại Lò Văn M, làm mất trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân nên cần phải bị xử lý nghiêm.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm, trong đó bị cáo Lò Thị U là người thực hành, bi cáo Lù Văn Đ là người giúp sức.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều sinh ra và lớn lên tại xã Mường Pồn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Bị cáo Lò Thị U không được đi học, ở nhà làm ruộng. Năm 1976, kết hôn cùng ông Lò Văn G và có 06 người con. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Ngày 20/9/2018, bị Công an huyện Đ bắt tạm giữ về tội *"Giết người*". Bị cáo Lù Văn Đ, từ nhỏ được bố mẹ nuôi dưỡng, cho đi học hết lớp 9/12, sau đó bỏ học ở nhà lao động sản xuất. Năm 2012, kết hôn với Quàng Thị H và có 02 người con. Bị cáo không có tiền án, tiền sự. Ngày 03/01/2019, bị cáo bị bắt và tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên về tội *"Giết người"*.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Chồng của bị cáo Lò Thị U, bố đẻ của bị cáo Lù Văn Đ là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo Đăm được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự *"Quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng"*. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội, để cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có thể giúp các bị cáo nhận thức thêm tác hại của những hành động thiếu hiểu biết mà các bị cáo gây ra cho người bị hại Lò Văn M.

Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để bị cáo Lò Thị U được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt; bị cáo Lù Văn Đ được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Xét đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Riêng đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Lù Văn Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo Đ là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Ngoài hình phạt chính, theo quy định tại khoản 4 Điều 123 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm. Nhưng do nghề nghiệp của các bị cáo là làm ruộng nên Hội đồng xét xử không áp dụng đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của người bị hại có đơn yêu cầu các bị cáo phải bồi thường cho gia đình người bị hại tổng số tiền là 132.735.000 đồng *(một trăm ba mươi hai triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* (gồm: Tiền mai táng phí là 62.735.000 đồng và tiền tổn thất về tinh thần là 70.000.000 đồng). Nhưng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị hại Lò Văn M yêu cầu các bị cáo phải bồi thường tổng số tiền: 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*), trong đó: Tiền mai táng phí là 60.000.000 đồng *(sáu mươi triệu đồng)* do ông Lò Văn Y đứng ra lo mai táng cho người bị hại và tiền tổn thất về tinh thần cho ông Lò Văn Y và bà Lò Thị S (là bố, mẹ đẻ của người bị hại) số tiền 70.000.000 đồng (*bảy mươi triệu đồng*). Các bị cáo đều chấp nhận mỗi người bồi thường 1/2 tổng số tiền trên.

Theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 591 và Điều 357 Bộ luật Dân sự. Việc tự nguyện thỏa thuận bồi thường của các bị cáo với ông Lò Văn Y và bà Lò Thị S là tự nguyện nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị cáo đã bồi thường tiền mai táng phí cho gia đình người bị hại. Cụ thể: Bị cáo Lù Văn Đ đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) và bị cáo Lò Thị U đã bồi thường số tiền là 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng).*

Do vậy, bị cáo Lù Văn Đ còn phải bồi thường tiếp số tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là: 30.000.000 đồng- 2.000.000 đồng = 28.000.000 đồng*(hai mươi tám triệu đồng).*

Bị cáo Lò Thị U còn phải bồi thường tiếp tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là: 30.000.000 đồng - 5.000.000 đồng = 25.000.000 đồng *(hai mươi lăm triệu đồng)*.

Bị cáo Lù Văn Đ phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho ông Lò Văn Yên số tiền 35.000.000 đồng : 2 = 17.500.000 đồng và cho bà Lò Thị S số tiền 35.000.000 đồng : 2 = 17.500.000 đồng.

Bị cáo Lò Thị U phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho ông Lò Văn Y số tiền 35.000.000 đồng : 2 = 17.500.000 đồng và bà Lò Thị S số tiền 35.000.000 đồng : 2 = 17.500.000 đồng.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng : Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Điện Biên , Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biện, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra , truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền , trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Các bị cáo; người bào chữa cho các bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[7] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, vật chứng của vụ án cần xử lý như sau:

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) hộp catton màu xanh được dán kín các mép, mặt ngoài có ghi dòng chữ "Hoàn lại mẫu vật sau giám định số 109/GĐ-PC09 ngày 03/12/2018: 01 (một) đoạn dây điện màu đen; chiều dài 11,44m; đường kính 05mm; vỏ màu đen có độ dày 1,5 mm; phần lõi hợp thành từ 07 (bảy) sợi màu trắng bạc", có chữ ký của Trần Văn T, Lò May T, Đào Quang D và đóng 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên;

- 01 (một) túi nilon màu đỏ sau đó dùng 01 (một) dây vải màu trắng xuyên tâm miệng túi và buộc chặt lại. Trên đầu sợi dây có dính mảnh giấy màu trắng, trên mảnh giấy có chữ ký của Lưu Minh T, Bùi Đức T, Tòng Văn A, Lò Văn Y Lù Văn H, Nguyễn Thị L và 01 hình dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên;

- 01 (một) túi niêm phong màu vàng được dán kín các mép. Mặt trước túi niêm phong có ghi "Vật chứng là con dao trong vụ án giết người, xảy ra ngày 20/9/2018, tại bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Mặt sau túi niêm phong được dán kín chúng tôi lấy một mảnh giấy trắng dán đè lên mép dán của túi niêm phong, trên tờ giấy niêm phong có các chữ ký của Đào Quang D, Vàng A C, Tòng Văn A, Lù Văn Đ và đóng 02 hình dấu đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;

- 01 (một) hộp bìa catton A4, mặt trước hộp ghi: "Vật chứng gồm 03 đoạn dây thép gai trong vụ án giết người, xảy ra vào ngày 20/9/2018, tại bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên" phần gói niêm phong đã được niêm phong lại bằng mảnh giấy trắng và có chữ ký của Hoàng Tiến T, Đào Quang D, Trần Thị Giang C, và 02 hình giấu đỏ của Trung tâm pháp y tỉnh Điện Biên.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch nhưng do các bị cáo là dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, HĐXX quyết định miễn án phí HSST và án phí DSST có giá ngạch cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 123/BLHS.

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Lò Thị U và Lù Văn Đ phạm tội *"Giết người"*.

2. Hình phạt:

- Căn cứ khoản 2 Điều 123 và điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị U 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2018;

- Căn cứ khoản 2 Điều 123 và điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lù Văn Đ 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 03/01/2019;

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 591 và Điều 357 Bộ luật Dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lù Văn Đ về việc bồi thường tiền mai táng phí cho người bị hại Lò Văn M - Người đại diện theo pháp luật của bị hại Lò Văn M là ông Lò Văn Y số tiền 2.000.000 đồng *(hai triệu đồng)* (tại biên lai thu tiền số AB/2010/020BC ngày 08/3/2019). Buộc bị cáo Lù Văn Đ phải bồi thường tiếp số tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền là 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Lù Văn Đ phải bồi thường tiền tổn thất về tinh thần cho:

+ Ông Lò Văn Y số tiền 17.500.000 đồng *(mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*;

+ Bà Lò Thị S số tiền 17.500.000 đồng *(mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Lò Thị U về việc bồi thường tiền mai táng phí cho người bị hại Lò Văn M - Người đại diện theo pháp luật của bị hại Lò Văn M là ông Lò Văn Y số tiền 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* (tại biên lai thu tiền số AB/2010/08014 ngày 01/3/2019). Buộc bị cáo Lò Thị U phải bồi thường tiếp tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền là 25.000.000 đồng *(hai mươi lăm triệu đồng)*.

- Buộc bị cáo Lò Thị U phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho:

+ Ông Lò Văn Y số tiền 17.500.000 đồng *(mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*;

+ Bà Lò Thị S số tiền 17.500.000 đồng *(mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo Lù Văn Đ và Lò Thị U, chậm trả tiền thì các bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

** Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (một) hộp catton màu xanh được dán kín các mép, mặt ngoài có ghi dòng chữ "Hoàn lại mẫu vật sau giám định số 109/GĐ-PC09 ngày 03/12/2018: 01 (một) đoạn dây điện màu đen; chiều dài 11,44m; đường kính 05mm; vỏ màu đen có độ dày 1,5 mm; phần lõi hợp thành từ 07 (bảy) sợi màu trắng bạc", có chữ ký của Trần Văn T, Lò May T, Đào Quang D và đóng 02 (hai) dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên;

- 01 (một) túi nilon màu đỏ sau đó dùng 01 (một) dây vải màu trắng xuyên tâm miệng túi và buộc chặt lại. Trên đầu sợi dây có dính mảnh giấy màu trắng, trên mảnh giấy có chữ ký của Lưu Minh T, Bùi Đức T, Tòng Văn A, Lò Văn Y, Lù Văn H, Nguyễn Thị L và 01 hình dấu tròn của cơ quan CSĐT Công an huyện Điện Biên;

- 01 (một) túi niêm phong màu vàng được dán kín các mép. Mặt trước túi niêm phong có ghi "Vật chứng là con dao trong vụ án giết người, xảy ra ngày 20/9/2018, tại bản Cò C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Mặt sau túi niêm phong được dán kín chúng tôi lấy một mảnh giấy trắng dán đè lên mép dán của túi niêm phong, trên tờ giấy niêm phong có các chữ ký của Đào Quang D, Vàng A C, Tòng Văn A, Lù Văn Đ và đóng 02 hình dấu đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;

- 01 (một) hộp bìa catton A4, mặt trước hộp ghi: "Vật chứng gồm 03 đoạn dây thép gai trong vụ án giết người, xảy ra vào ngày 20/9/2018, tại bản C, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên" phần gói niêm phong đã được niêm phong lại bằng mảnh giấy trắng và có chữ ký của Hoàng Tiến T, Đào Quang D, Trần Thị Giang C, và 02 hình giấu đỏ của Trung tâm pháp ý tỉnh Điện Biên.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 23/01/2019 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên).

5. Án phí: Áp dụng Điều135, Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho các bị cáo.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo; người đại diện hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo bản án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ

của mình lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/03/2019).

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người ĐDHP của người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- UBND (Th/báo);
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Hằng